

## **BÁO CÁO**

### **Về việc thống kê đất đai năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Điều 34 Luật Đất đai năm 2013 và Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thực hiện Văn bản số 2114/TCQLĐĐ-CKSQLSĐĐ ngày 21 tháng 11 năm của Tổng cục Quản lý đất đai về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2017; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2017 như sau:

#### **A. KẾT QUẢ THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT ĐAI NĂM 2017**

##### **I. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội**

Bình Dương là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ và là một trong 8 tỉnh thuộc Vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam. Bình Dương có một thành phố, bốn thị xã và bốn huyện với 91 đơn vị hành chính cấp xã với tổng diện tích tự nhiên là 269.464 ha, chiếm 14,10 % diện tích của khu vực miền Đông Nam bộ và chiếm 0,83 % diện tích cả nước. Bình Dương được bao bọc bởi 02 con sông lớn là sông Sài Gòn ở phía Tây, sông Đồng Nai ở phía Đông, ngoài ra còn có sông Bé và sông Thị Tinh chảy qua. Có tọa độ địa lý: vĩ độ Bắc: 10<sup>0</sup>51' 46" - 11<sup>0</sup>30', kinh độ Đông: 106<sup>0</sup>20' - 106<sup>0</sup>58' và có ranh giới hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước.
- Phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh.
- Phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai.
- Phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh.

*Bảng 1: Diện tích các đơn vị hành chính tỉnh Bình Dương năm 2017*

Stt	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>269.464</b>	<b>100,0</b>
1	Thành Phố Thủ Dầu Một	11.891	4,4
2	Thị xã Thuận An	8.371	3,1
3	Thị xã Dĩ An	6.005	2,2
4	Thị xã Bến Cát	23.435	8,7
5	Thị xã Tân Uyên	19.176	7,1

Stt	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6	Huyện Phú Giáo	54.444	20,2
7	Huyện Dầu Tiếng	72.110	26,8
8	Huyện Bắc Tân Uyên	40.031	14,9
9	Huyện Bàu Bàng	34.002	12,6

Năm 2017, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương có những chuyển biến tích cực, đúng hướng và khá toàn diện trên các lĩnh vực. Trong bối cảnh chung còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn tiếp tục phát triển ổn định. Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện các giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Theo đó, tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2017 tăng 9,15% (kế hoạch tăng 8,3%); GRDP bình quân đầu người đạt 120 triệu đồng (kế hoạch 115,4 triệu đồng). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng với tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp - thuế nhập khẩu tương ứng là 63,99% - 23,68% - 3,74% - 8,59% (kế hoạch 63,4% - 23,% - 4,0% - 8,9%). Chỉ số phát triển công nghiệp tăng 10,98%. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 04%.

Một trong những kết quả nổi bật trong năm 2017 của tỉnh Bình Dương là tình hình thu hút đầu tư. Tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp. Số vốn đầu tư trong nước tăng cao so với năm 2016, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vượt xa kế hoạch đề ra. Đến 30/11/2017, thu hút đầu tư trong nước đạt 44.046 tỷ đồng (tăng 51,4%); lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 30.571 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, tổng vốn đăng ký 234.722 tỷ đồng. Đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 2,557 tỷ đô la Mỹ, vượt 82,6% kế hoạch năm; lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 3.034 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 28,33 tỷ đô la Mỹ.

Bên cạnh đó, tỉnh đã tập trung thực hiện các chương trình nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đô thị; tích cực triển khai Đề án Thành phố thông minh Bình Dương.

Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội theo Nghị quyết Hội đồng Nhân dân tỉnh đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời; huy động nhiều nguồn lực chăm lo chu đáo cho các gia đình chính sách, người có công nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ. Trong năm, tỉnh đã chi gần 948 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội. Công tác giảm nghèo và chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện đồng bộ ở địa phương. Kinh phí cho công tác giảm nghèo là 198 tỷ đồng. Toàn tỉnh hiện có 3.620 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,23% và 3.034 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 1,03%.

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm tiếp tục đạt được kết quả khả quan, các chỉ tiêu đều tăng so với năm trước. Giải quyết việc làm mới cho 45.500 lượt người (đạt 101,1% kế hoạch). Chất lượng giáo dục và đào tạo được cải thiện. Đến nay, tỷ lệ trường công lập được lều hóa trên địa bàn

tỉnh đạt 70,4%, đạt chuẩn quốc gia là 65,1%. Trình độ giáo viên đạt chuẩn trở lên đạt 99,84%. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2017 đạt 97,72% (tăng 11,22% so với năm 2016).

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ y, bác sĩ. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt 81,8% (tăng 6,31% so với cùng kỳ năm 2016), đạt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao.

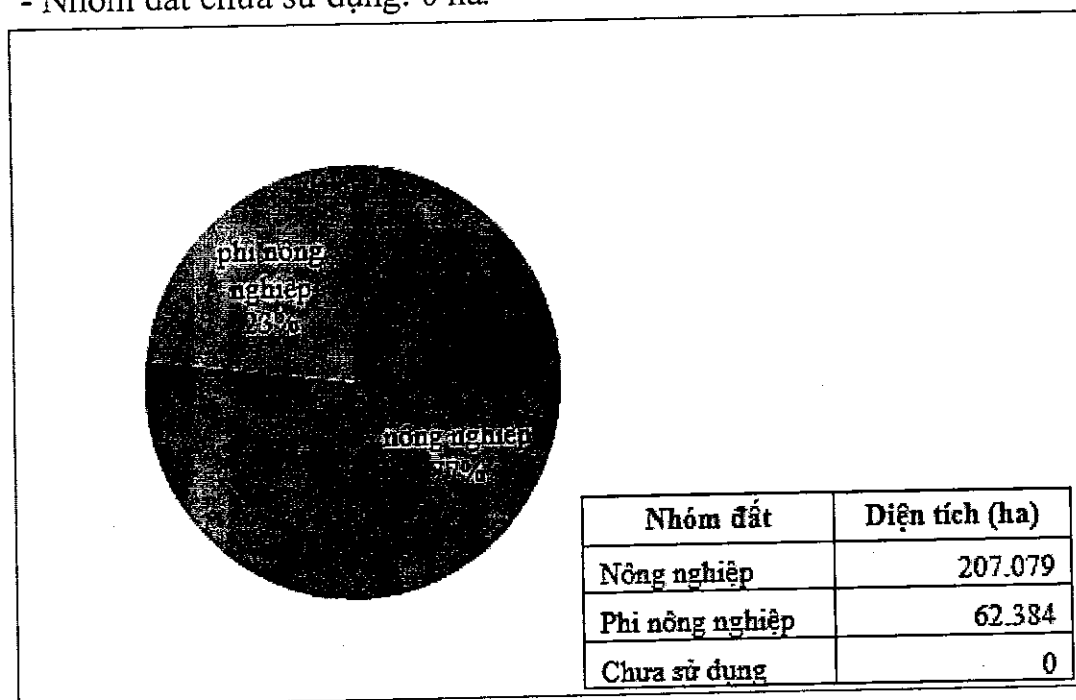
Các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao đã được các ngành, các cấp trong tỉnh tổ chức với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng... Công tác thông tin - truyền thông, khoa học - công nghệ tiếp tục được đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

Công tác cải cách hành chính đạt được kết quả tích cực. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Chỉ số cải cách hành chính tiếp tục được cải thiện; thực hiện tốt mô hình chính quyền thân thiện, công sở thân thiện vì nhân dân phục vụ. Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo và thi hành án dân sự đạt cao, nhiều vụ việc kéo dài đã được xử lý dứt điểm. Công tác phòng chống tham nhũng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành.

## II. Hiện trạng sử dụng đất năm 2017 (Biểu số 01/TKĐĐ kèm theo)

Tổng diện tích tự nhiên theo đơn vị hành chính là 269.464 ha, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 207.079 ha, chiếm 77% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh;
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 62.384 ha, chiếm 23% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh;
- Nhóm đất chưa sử dụng: 0 ha.



Biểu đồ cơ cấu sử dụng đất năm 2017

## 1. Nhóm đất nông nghiệp (Biểu số 02/TKĐĐ kèm theo)

Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp là 207.079 ha, chiếm 77% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh. Cụ thể như sau:

### a) Theo mục đích sử dụng

Bảng 2: Diện tích nhóm đất nông nghiệp

Stt	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>207.079</b>	
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	194.799	94%
2	Đất lâm nghiệp	LNP	10.532	5%
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	424	0,2%
4	Đất nông nghiệp khác	NKH	1.324	01%

- Đất sản xuất nông nghiệp với diện tích là 194.799 ha, chiếm 94% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp. Chủ yếu là đất trồng cây lâu năm với diện tích 185.380 ha, phân bố tập trung tại các huyện, thị xã phía Bắc của tỉnh như: Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bến Cát, Tân Uyên và Bắc Tân Uyên; đất trồng cây hàng năm với diện tích 9.419 ha, phân bố rải rác trên toàn tỉnh.

- Đất lâm nghiệp: diện tích 10.532 ha, gồm đất rừng phòng hộ và rừng sản xuất, chiếm 05% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp. Hiện do Ban quản lý Rừng phòng hộ Núi Cậu – Dầu Tiếng, Hạt kiểm lâm Dầu Tiếng, Ban quản lý rừng Tân Uyên, Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương và Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo trực tiếp quản lý, sử dụng.

- Đất nuôi trồng thủy sản: 424 ha, chiếm 0,2% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp. Toàn bộ là đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- Đất nông nghiệp khác: 1.324 ha chiếm 01% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

### b) Theo đối tượng sử dụng và quản lý

Trong tổng số 207.079 ha nhóm đất nông nghiệp, diện tích giao sử dụng là 206.969 ha và diện tích được giao quản lý là 110 ha.

Bảng 3: Diện tích đất nông nghiệp giao sử dụng và quản lý

Đơn vị: ha

Stt	Loại đất	Mã	diện tích	Giao sử dụng	Giao quản lý
1	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>207.079</b>	<b>206.969</b>	<b>110</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	194.799	194.689	110
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	10.532	10.532	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	424	424	
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	1.324	1.324	

**b1) Theo đối tượng sử dụng**

*Bảng 4: Diện tích đối tượng sử dụng nhóm đất nông nghiệp*

Đơn vị: ha

Stt	Loại đất	Tổng số	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Tổ chức trong nước (TCC)				Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Cộng đồng dân cư và Cơ sở tôn giáo
				Tổ chức kinh tế	Cơ quan, đơn vị của Nhà nước	Tổ chức sự nghiệp công lập	Tổ chức khác		
	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>206.969</b>	<b>136.817</b>	<b>58.268</b>	<b>2.529</b>	<b>7.752</b>	<b>380</b>	<b>1.201</b>	<b>21</b>
1	Đất sản xuất nông nghiệp	194.689	135.666	52.141	2.429	2.879	351	1.201	21
2	Đất lâm nghiệp	10.532	368	5.375	74	4.715			
3	Đất nuôi trồng thủy sản	424	311	66	26	-	22		
4	Đất nông nghiệp khác	1.324	473	686	1	158	7		

Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp được giao sử dụng trên địa bàn tỉnh là 206.969 ha. Bao gồm: hộ gia đình, cá nhân sử dụng 136.817 ha, chiếm 66% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp sử dụng; tổ chức kinh tế sử dụng 58.268 ha, chiếm 28% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp sử dụng; cơ quan, đơn vị của Nhà nước sử dụng 2.529 ha, chiếm 01% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp sử dụng; tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng 7.752 ha, chiếm 04% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp sử dụng; tổ chức khác sử dụng 380 ha, chiếm 0,2% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp sử dụng; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng 1.201 ha, chiếm 01% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp sử dụng và cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng 21 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp sử dụng.

**b2) Theo đối tượng quản lý**

*Bảng 5: Diện tích đối tượng quản lý nhóm đất nông nghiệp*

Đơn vị: ha

Stt	Loại đất	Diện tích đất theo đối tượng quản lý			
		Tổng số	UBND cấp xã	Tổ chức phát triển quỹ đất	Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác
	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>110</b>	<b>87</b>	<b>23</b>	<b>1</b>
1	Đất sản xuất nông nghiệp	110	87	23	1
1.1	Đất trồng cây hàng năm	22		22	1
1.1.1	Đất trồng lúa				
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	22		22	1
1.2	Đất trồng cây lâu năm	88	87	1	
2	Đất lâm nghiệp				
3	Đất nuôi trồng thủy sản				
4	Đất nông nghiệp khác				

Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp được giao quản lý trên địa bàn tỉnh là 110 ha. Bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý 87 ha, chiếm 76% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp giao quản lý; tổ chức phát triển quỹ đất quản lý 23

ha, chiếm 23% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp giao quản lý; cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý 1 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp giao quản lý.

## 2. Nhóm đất phi nông nghiệp (Biểu số 03/TKĐĐ kèm theo)

Tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp là 62.384 ha, chiếm 23% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh. Cụ thể như sau:

### a) Theo mục đích sử dụng

Bảng 6: Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp

Stt	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>62.384</b>	<b>100</b>
1	Đất ở	OCT	13.689	22
2	Đất chuyên dùng	CDG	37.055	59
3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	152	0,2
4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	97	0,2
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	963	2
6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.575	9
7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4.847	8
8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7	0,01

- Đất ở có diện tích là 13.689 ha, chiếm 22% tổng diện tích.
- Đất chuyên dùng có diện tích là 37.055 ha, chiếm 59%.
- Đất cơ sở tôn giáo có diện tích là 152 ha, chiếm 0,2%.
- Đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là 97 ha, chiếm 0,2%.
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa nhà tang lễ, nhà hỏa táng có diện tích là 963 ha, chiếm 02%.
- Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích là 5.575 ha, chiếm 09%.
- Đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích là 4.847 ha, chiếm 08%.
- Đất phi nông nghiệp khác có diện tích là 07 ha, chiếm 0,01%.

### b) Theo đối tượng sử dụng và quản lý

Trong tổng số 62.384 ha nhóm đất nông nghiệp, diện tích giao sử dụng là 43.892 ha và diện tích giao quản lý là 18.493 ha.

Bảng 7: Diện tích đất phi nông nghiệp giao sử dụng và quản lý

Đơn vị: ha

Stt	Loại đất	Mã	Tổng diện tích	Giao sử dụng	Giao quản lý
	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>62.384</b>	<b>43.892</b>	<b>18.493</b>

Stt	Loại đất	Mã	Tổng diện tích	Giao sử dụng	Giao quản lý
1	Đất ở	OCT	13.689	13.689	
2	Đất chuyên dùng	CDG	37.055	28.761	8.294
3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	152	152	
4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	97	97	
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	963	954	8
6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.575	23	5.552
7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4.847	210	4.638
8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7	7	

**- Theo đối tượng sử dụng**

*Bảng 8: Diện tích đối tượng sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp*

Đơn vị: ha

Stt	Loại đất	Tổng số	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Tổ chức trong nước				Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Cộng đồng dân cư và Cơ sở tôn giáo
				Tổ chức kinh tế	Cơ quan đơn vị của nhà nước	Tổ chức sự nghiệp công lập	Tổ chức khác		
		<b>43.892</b>	<b>13.526</b>	<b>20.147</b>	<b>4.492</b>	<b>1.980</b>	<b>288</b>	<b>3.112</b>	<b>347</b>
1	Đất ở	13.687	12.866	599	69	6	0	149	
2	Đất chuyên dùng	28.761	505	19.199	3.908	1.861	266	2.963	58
3	Đất cơ sở tôn giáo	152	-	-	-	-	-		152
4	Đất cơ sở tín ngưỡng	97	0	-	-	-	-		97
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, ntl, nht	954	84	255	514	39	21		40
6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	23	0	22	-	-	-		
7	Đất có mặt nước chuyên dùng	210	70	65	1	74	-		
8	Đất phi nông nghiệp khác	7	0	7	0	0	-		

Tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp được giao sử dụng trên địa bàn tỉnh là 43.892 ha. Bao gồm: hộ gia đình, cá nhân sử dụng 13.526 ha, chiếm 31%; tổ chức kinh tế sử dụng 20.147 ha, chiếm 46%; cơ quan, đơn vị của Nhà nước sử dụng 4.492 ha, chiếm 10%; tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng 1.980 ha, chiếm 05%; tổ chức khác sử dụng 288 ha, chiếm 01%; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng 3.112 ha, chiếm 07%; cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng 347 ha, chiếm 01%.

**- Theo đối tượng quản lý**

Bảng 9: Diện tích quản lý nhóm đất phi nông nghiệp

Đơn vị: ha

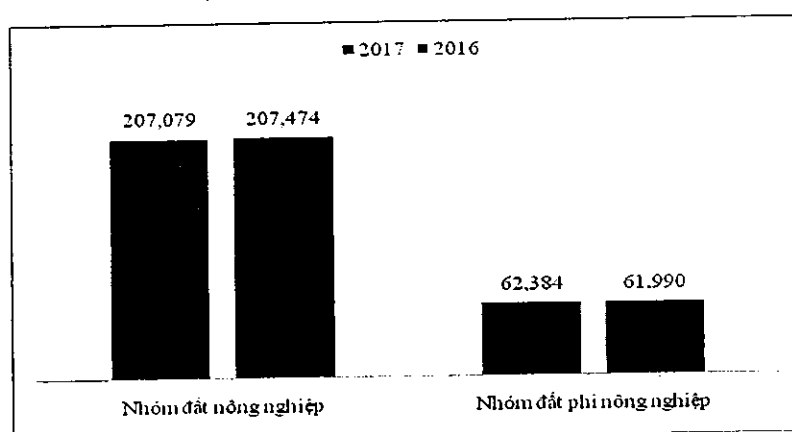
Stt	Loại đất	Tổng số	UBND cấp xã	Tổ chức phát triển quỹ đất	Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác
	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>18.493</b>	<b>4.687</b>	<b>5</b>	<b>13.800</b>
1	Đất ở				
2	Đất chuyên dùng	8.294	3.252	1	5.041
3	Đất cơ sở tôn giáo				
4	Đất cơ sở tín ngưỡng				
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	8	0	4	4
6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.552	1.399	-	4.153
7	Đất có mặt nước chuyên dùng	4.638	35	-	4.602
8	Đất phi nông nghiệp khác				

Tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp được giao quản lý trên địa bàn tỉnh là 18.493 ha. Bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý 4.687 ha, chiếm 25 %; tổ chức phát triển quỹ đất quản lý 5 ha và cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý 13.800 ha, chiếm 75 %.

### 3. Nhóm đất chưa sử dụng (Biểu số 01/TKĐĐ kèm theo)

Diện tích nhóm đất chưa sử dụng năm 2017 trên địa bàn tỉnh là 0 ha, không biến động so với năm 2016.

### III. Biến động sử dụng đất so với thống kê đất đai năm 2016 (Biểu số 12/TKĐĐ kèm theo)



Biểu đồ biến động đất đai năm 2017 so với năm 2016

#### 1. Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên trong kỳ thống kê năm 2017 không có thay đổi so với diện tích của kết quả thống kê đất đai năm 2016, với tổng diện tích tự nhiên là 269.464 ha.



Bảng 10: Biến động diện tích so với năm 2016

Đơn vị: ha

Stt	Mục đích sử dụng	Mã	Năm 2017	So với năm 2016		Ghi chú
				Diện tích	Tăng (+) giảm (-)	
	<b>Tổng diện tích đất của ĐVHC</b>		<b>269.464</b>	<b>269.464</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>207.079</b>	<b>207.474</b>	<b>-394</b>	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	194.799	195.222	-423	
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	10.532	10.542	-10	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	424	421	3	
1.4	Đất làm muối	LMU				
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	1.324	1.288	36	
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>62.384</b>	<b>61.990</b>	<b>394</b>	
2.1	Đất ở	OCT	13.689	13.472	217	
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	37.055	36.876	179	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	152	152		
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	97	97		
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	963	963		
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.575	5.577	-2	
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4.847	4.847		
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7	7		
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>				

## 2. Biến động nhóm đất nông nghiệp (Biểu số 10, 12/TKĐĐ kèm theo)

Nhóm đất nông nghiệp giảm 394 ha so với kỳ thống kê đất đai năm 2016. Trong đó, toàn bộ diện tích nhóm đất nông nghiệp giảm sang nhóm đất phi nông nghiệp, chủ yếu các loại đất như: đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp ... Cụ thể như sau:

\* Đất lâm nghiệp giảm 10 ha. Căn cứ công văn số 2026/TCLN-K1 ngày 06/12/2016 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng toàn quốc. Theo đó, trên địa bàn thị xã Bến Cát không còn diện tích đất rừng. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị thị xã Bến Cát điều chỉnh 10 ha đất rừng trên địa bàn thị xã sang loại đất khác theo hồ sơ địa chính (đất trồng cây lâu năm) cho phù hợp với quy hoạch 3 loại rừng toàn quốc.

- Đất sản xuất nông nghiệp: trong năm qua, diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm 423 ha, tập trung chủ yếu tại các huyện, thị xã: Bến Cát, Phú Giáo, Dầu Tiếng và Tân Uyên, bao gồm:

+ Đất trồng cây hàng năm giảm 135 ha, chủ yếu giảm sang đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm.

+ Đất trồng cây lâu năm giảm 288 ha, chủ yếu giảm sang đất ở và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

- Đất nông nghiệp khác tăng 36 ha, chủ yếu tăng từ đất trồng cây lâu năm, tập trung tại huyện: Bàu Bàng, Dầu Tiếng và Phú Giáo.

### **3. Biến động nhóm đất phi nông nghiệp**

Nhóm đất phi nông nghiệp tăng 394 ha so với kỳ thống kê đất đai năm 2016. Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp tăng từ toàn bộ từ nhóm đất nông nghiệp như: đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm ... tập trung tại các huyện, thị xã: Bến Cát, Thuận An, Dĩ An, Dầu Tiếng, Bàu Bàng và Tân Uyên... Cụ thể như sau:

- Đất ở tăng 217 ha, diện tích đất ở tăng chủ yếu trên trên địa bàn các thị xã: Bến Cát, Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên ... Trong đó:

+ Đất ở tại nông thôn tăng 83 ha.

+ Đất ở đô thị tăng 134 ha.

- Đất chuyên dùng tăng 179 ha, chủ yếu tại huyện, thị xã: Tân Uyên, Bến Cát và Bàu Bàng. Loại đất tăng chủ yếu trong đất chuyên dùng là đất sử dụng vào mục đích công cộng và tăng chủ yếu từ đất trồng cây lâu năm.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 2 ha so với năm 2016 trên huyện Bắc Tân Uyên.

- Đất cơ sở tôn giáo; đất cơ sở tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất có mặt nước chuyên dùng; đất phi nông nghiệp khác không biến động.

#### **\* Một số nguyên nhân biến động đất đai năm 2017:**

- Việc giảm diện tích nhóm đất nông nghiệp sang nhóm đất phi nông nghiệp là phù hợp xu thế chung hiện nay của các tỉnh có nền kinh tế năng động, đặc biệt là khu vực phát triển công nghiệp nhanh như tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, diện tích nhóm đất phi nông nghiệp tăng cũng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội trong những năm qua cũng như sau này của tỉnh Bình Dương.

- Do nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp ngày càng tăng. Trong đó, phần lớn do nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân, các tổ chức sử dụng đất... để hình thành các khu dân cư, khu thương mại dịch vụ...

- Quá trình đô thị hóa nhanh chóng, kèm theo cơ sở hạ tầng ngày càng được quan tâm phát triển nên đã hình thành nhiều khu, cụm dân cư tập trung xung quanh các tuyến giao thông mới được đầu tư mới, được nâng cấp, cải tạo.

- Do hệ thống chỉ tiêu thay đổi nên có sự sắp xếp, thay đổi lại các loại đất dẫn đến có sự biến động đất đai như trên.

#### 4. Biến động nhóm đất chưa sử dụng

Nhóm đất chưa sử dụng không biến động so với kết quả của thống kê đất đai năm 2016 của tỉnh.

**IV. Diện tích đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích nhưng chưa thực hiện** (Biểu số 5a/TKĐĐ kèm theo)

##### 1. Theo mục đích sử dụng

Bảng 11: Diện tích được giao, thuê, chuyển mục đích nhưng chưa thực hiện

Stt	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)
	<b>Tổng diện tích</b>		<b>325</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>4</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	4
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	4
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	
1.3	Đất làm muối	LMU	
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>321</b>
2.1	Đất ở	OCT	196
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	189
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	7
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	125
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	
2.2.3	Đất an ninh	CAN	1
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	123
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	

Tổng diện tích đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích nhưng chưa thực hiện trong năm qua là 325 ha, bao gồm:

- Đất nông nghiệp với diện tích là 4 ha, toàn bộ là đất trồng cây hàng năm khác.

- Đất phi nông nghiệp với diện tích là 321 ha, bao gồm: 196 ha đất ở và 125 ha đất chuyên dùng.

## 2. Theo đối tượng sử dụng

Bảng 12: Đối tượng được giao, thuê, chuyển mục đích nhưng chưa thực hiện

Đơn vị: ha

Stt	Mục đích	Ký hiệu	Tổng số	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Tổ chức trong nước			Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
					Tổ chức kinh tế	Cơ quan đơn vị của nhà nước	Tổ chức sự nghiệp công lập	
	<b>Tổng diện tích</b>		<b>325</b>	<b>60</b>	<b>109</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>143</b>
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	4		-	4		
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	321	60	109	8	1	143

Trong tổng diện tích 325 ha đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích nhưng chưa thực hiện, bao gồm:

- Hộ gia đình cá nhân trong nước với diện tích là 60 ha, chiếm 18%.
- Tổ chức kinh tế với diện tích là 109 ha, chiếm 34%.
- Cơ quan đơn vị của Nhà nước với diện tích là 12 ha, chiếm 04%.
- Tổ chức sự nghiệp công lập với diện tích là 1 ha, chiếm 0,3%.
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với diện tích là 143 ha, chiếm 44%.

## V. So sánh hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch (Biểu 13/TKĐĐ kèm theo)

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2017 so với chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất đến năm 2017 có sự chênh lệch tương đối. Cụ thể như sau:

### 1. Đối với nhóm đất nông nghiệp

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh đến năm 2017 là 199.280 ha, giảm 8.194 ha so với năm 2016. Kết quả thực hiện, cuối năm 2017 diện tích đất nông nghiệp là 207.079 ha, giảm 309 ha so với năm 2016. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt là 187.055ha, giảm 8.167ha so với năm 2016. Kết quả thực hiện còn 194.799 ha, giảm 423 ha so với năm 2016.

- Đất lâm nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2017 là 10.413 ha, giảm 129 ha so với năm 2016, kết quả thực hiện còn 10.532 ha giảm 10 ha so với năm 2016.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 438 ha, tăng 17 ha so với năm 2016. Kết quả thực hiện 424 ha, tăng 3 ha so với năm 2016.

## 2. Công tác quản lý Nhà nước về đất đai

### a) Việc chỉ đạo triển khai, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai

- Công tác ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản lý nhà nước về đất đai. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh cơ bản hoàn thành công tác ban hành văn bản thực thi Luật Đất đai được giao theo quy định.

- Các quy định chi tiết tại địa phương được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo tính kịp thời và thực thi. Qua đó, góp phần tạo khung pháp lý để các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ, nhằm tháo gỡ những vướng mắc bất cập giữa các huyện, thị trong tỉnh, đảm bảo thống nhất trong công tác giải quyết hồ sơ, sự vụ của người sử dụng đất trên địa bàn toàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được triển khai rộng khắp, có trọng tâm, trọng điểm đã thu hút được nhiều đối tượng tham gia, góp phần nâng cao hiểu biết, nhận thức của đội ngũ cán bộ và nhân dân trong chấp hành chủ trương chính sách pháp luật đất đai trên địa bàn tỉnh. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và các đội tuyên truyền các cấp được củng cố, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

### b) Công tác chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước về đất đai

- Công tác lập, điều chỉnh, quản lý kế hoạch sử dụng đất

+ Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh được thực hiện đảm bảo tiến độ, quy trình theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh và cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan chức năng đã tổ chức công bố, công khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc theo quy định. Việc lập Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm được địa phương công bố công khai lấy ý kiến nhân dân bằng các hình thức như thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các cuộc Hội nghị, họp lấy ý kiến công khai.

+ Các chỉ tiêu sử dụng đất giữa quy hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với chỉ tiêu theo quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Đồng thời, các chỉ tiêu được phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất hàng năm thống nhất so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất.

+ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cơ bản phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển nhà ở xã hội, phát triển đô thị, nông thôn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và kết cấu hạ tầng phúc lợi xã hội.

+ Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt được thực hiện theo quy định. Thông qua quy hoạch, kế hoạch, người sử dụng đất biết rõ thông tin và định hướng sử dụng đất hợp lý, hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tình hình quản lý đất đai

được các Bộ, Ngành Trung ương và các cấp chính quyền địa phương quan tâm, thực hiện thường xuyên, đưa công tác quản lý, sử dụng đất ngày càng chặt chẽ theo quy định của Luật Đất đai.

- Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

+ Công tác giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Thông qua đó, giá trị quyền sử dụng đất tăng cao, đồng thời khoản thu từ đất ngày càng được nâng lên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

+ Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân cơ bản đã hoàn thành với tỷ lệ 99,8%.

+ Công tác thanh, kiểm tra xử lý các tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư nhưng sử dụng đất không đúng mục đích, chậm đầu tư ngày càng được quan tâm, thực hiện kịp thời. Trong năm 2017 vừa qua, Ủy ban nhân dân đã cho phép 06 tổ chức được gia hạn thời hạn sử dụng đất 24 tháng do chậm tiến độ đưa đất vào thực hiện dự án.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất

+ Các chính sách, quy định pháp luật của Trung ương được địa phương từng bước được cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế, cải cách thủ tục hành chính. Những văn bản quy phạm Pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đã tháo gỡ đáng kể những tồn tại, khó khăn trong công tác thu hồi đất, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, công tác bán đấu giá... được sự đồng thuận rộng rãi trong dân, từ đó tạo điều kiện cho công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư được thuận lợi hơn.

+ Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ngày càng được quy định chặt chẽ đảm bảo tính công bằng, minh bạch, thống nhất từng dự án và khách quan để tránh phát sinh khiếu nại, khiếu kiện phức tạp. Qua đó, đã nhận được sự đồng thuận cao của người dân có đất bị thu hồi; góp phần đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

+ Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện, nhắc nhở, chấn chỉnh và ngăn chặn kịp thời các đối tượng vi phạm pháp luật về đất đai; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật thông qua các biện pháp: thu hồi đất, truy thu tiền sử dụng đất hoặc xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai. Từ đó giải quyết dứt điểm những hành vi sai phạm trong quản lý, sử dụng đất; bảo vệ được lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; từng bước đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai đi vào nề nếp, hiệu quả, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất được nâng lên rõ rệt; góp phần quan trọng giữ gìn trật tự, kỷ cương pháp luật.

+ Việc công khai, minh bạch kế hoạch và kết quả thanh tra, kiểm tra về đất đai đã được thực hiện nghiêm túc, tạo nên những hiệu ứng tích cực cho đối tượng được thanh tra, đồng thời là sự cảnh báo đối với tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất khác.

+ Công tác tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân về các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai được xử lý kịp thời, hiệu quả tạo được lòng tin đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng đất.

- Công tác giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo

Về nội dung đơn khiếu nại trong lĩnh vực đất đai phát sinh chủ yếu liên quan việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Đối với nội dung đơn tố cáo trong lĩnh vực đất đai phát sinh chủ yếu liên quan việc tố cáo hành vi hành chính của cán bộ một số địa phương trong việc ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết khiếu nại các vụ việc thuộc lĩnh vực quản lý đất đai, bồi thường giải tỏa. Tuy nhiên, nhìn chung công tác tiếp nhận và giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai trên địa bàn tỉnh đạt kết quả khá tốt; trình tự, thủ tục tiếp nhận, thụ lý và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, nội dung giải quyết đảm bảo đúng trọng tâm, trọng điểm, thể hiện tính pháp lý và tính khả thi cao; tình trạng khiếu kiện kéo dài hoặc đông người được hạn chế.

c) Tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai

- Đăng ký, lập hồ sơ địa chính; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo chính quyền cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn tích cực triển khai thực hiện việc đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến nay, về cơ bản công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã hoàn thành, đáp ứng được mục tiêu đề ra, tạo điều kiện cho người sử dụng đất có giấy tờ hợp pháp để thực hiện các quyền theo quy định.

+ Đặc biệt, kết quả cấp giấy chứng nhận là cơ sở giúp cho công tác quản lý đất đai ngày càng chặt chẽ, thuận tiện, đồng thời tạo nền tảng cho việc quản lý đất đai theo hướng hiện đại hóa, quản lý đất đai theo phương pháp công nghệ số, tiến tới hội nhập với trình độ khoa học tiên tiến của các nước phát triển.

+ Công tác đo đạc và bản đồ được quản lý tập trung, thống nhất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, từng bước đi vào nề nếp, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

+ Công tác đăng ký đất đai đã cơ bản hoàn thành góp phần hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai. Công tác quản lý hồ sơ đất đai, lưu trữ hồ sơ địa chính, khai thác thông tin địa chính được nhanh chóng, giúp cho công tác thống kê, kiểm kê đất đai được thuận tiện, chính xác để hoạch định các chính sách, các phương án quy hoạch, các dự án đầu tư phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai

+ Công tác cải cách hành chính được tập trung thực hiện triệt để các nhiệm vụ được giao nhằm mục đích phục vụ tốt nhất cho tổ chức, công dân. Kết quả thực hiện các mục tiêu chất lượng đảm bảo thực hiện các chức năng nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật, không có trường hợp nào sai sót đáng tiếc xảy ra; tỷ lệ thụ lý và giải quyết hồ sơ đối với các thủ tục hành chính và hoạt động dịch vụ chuyên môn kỹ thuật về đo đạc, bản đồ đạt mục tiêu đề ra; công khai niêm yết các thủ tục hành chính theo quy định, tiếp nhận hồ sơ theo quy định đã công bố; tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân, tổ chức và doanh nghiệp không phải mất nhiều thời gian đi lại nhiều lần, đảm bảo sự hài lòng cho khách hàng đạt 95% theo mục tiêu. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 37 bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai được niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, trên cổng thông tin điện tử của Sở và Trang thông tin hành chính công tỉnh để người dân, tổ chức thuận tiện theo dõi. Đảm bảo duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và ISO 9001:2015 trong quá trình thực hiện giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các Sở, ngành được duy trì và thực hiện tốt, thường xuyên quan tâm mức độ hài lòng của tổ chức và cá nhân khi đến liên hệ công tác.

+ Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, những chính sách, quy định mới đã được địa phương từng bước được cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế, cải cách thủ tục hành chính, các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đã tháo gỡ đáng kể những tồn tại, khó khăn trong công tác thu hồi đất, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, công tác bán đấu giá... được sự đồng thuận rộng rãi trong dân, từ đó tạo điều kiện cho công tác quản lý đất đai được thuận lợi hơn.

+ Bảng giá các loại đất được ban hành áp dụng ổn định 5 năm và thực hiện điều chỉnh khi cần thiết là cơ sở pháp lý về tài chính đất đai để nhà nước thu thuế khi người sử dụng đất thực hiện các quyền sử dụng đất và là cơ sở để các tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất. Bảng giá đất được ban hành đảm bảo nguồn thu từ đất đai có chiều hướng gia tăng, đã góp một phần đáng kể vào nguồn ngân sách của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Sắp xếp, kiện toàn tổ chức hoạt động của cơ quan quản lý đất đai và các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai

+ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định thành lập và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy cơ quan quản lý đất đai, các tổ chức dịch vụ công.

+ Cơ chế quản lý, điều hành của bộ máy cơ quan quản lý đất đai được xây dựng xuyên suốt, chặt chẽ, hiệu quả từ tỉnh đến cấp huyện.

+ Tuy nhiên, qua thời gian hoạt động, bên cạnh những mặt tích cực đạt được, mô hình Văn phòng đăng ký đất đai và Trung tâm phát triển quỹ đất một



cấp đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc trong công tác chỉ đạo điều hành, do đó trong quá trình thực hiện cần phải tích cực hướng dẫn, củng cố và kiện toàn bộ máy. Riêng đối với Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải tỏa mang tính chất phức tạp, khó khăn đòi hỏi cả hệ thống chính trị vào cuộc, vì vậy để thuận lợi trong chỉ đạo điều hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 về việc thành lập Trung tâm phát triển quỹ đất huyện, thị xã, thành phố.

## **II. Hạn chế và nguyên nhân**

### **1. Công tác thống kê đất đai**

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác thống kê đất đai năm 2017 trên địa bàn tỉnh còn một số hạn chế như:

- Phần mềm thống kê đã thể hiện nhiều ưu điểm hơn so với các phần mềm thống kê trước đây. Tuy nhiên, quá trình sử dụng vẫn còn một số hạn chế như: công đoạn tải số liệu lên máy chủ tại Tổng cục Quản lý đất đai gặp nhiều khó khăn, kết nối chậm, mất nhiều thời gian... Do đó, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2017 trên địa bàn toàn tỉnh.

- Do thời điểm thực hiện nhiệm vụ trùng với thời điểm nghỉ tết truyền thống hàng năm nên một số huyện vẫn chưa đảm bảo báo cáo theo đúng thời gian quy định.

- Một số cán bộ chuyên môn cấp huyện, cán bộ địa chính cấp xã vẫn chưa quan tâm đến công tác thống kê đất đai, giao hết công việc cho đơn vị tư vấn thực hiện, chưa sâu sát với nhiệm vụ được giao.

### **2. Công tác quản lý Nhà nước về đất đai**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý Nhà nước về đất đai trong năm qua vẫn tồn tại một số nội dung như sau:

- Việc triển khai công tác định giá đất cụ thể còn chậm; thời gian thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trong một số trường hợp còn kéo dài, chưa đáp ứng kịp yêu cầu về tiến độ để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất còn phức tạp. Việc điều tra, khảo sát giá đất phổ biến trên thị trường để phục vụ cho công tác xác định giá đất cụ thể còn gặp khó khăn do người cung cấp thông tin về giá đất không ký vào Phiếu điều tra để xác nhận thông tin về giá đất đã cung cấp.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án vẫn còn kéo dài, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai của các công trình, dự án.

- Giá đất nông nghiệp một số khu vực còn thấp so với giá đất chuyên nhượng phổ biến trên thị trường (đối với khu vực đô thị, dân cư tập trung...).

- Việc cưỡng chế thu hồi đất còn kéo dài, một số địa phương chưa chủ động trong công tác cưỡng chế thu hồi đất.

### **III. Một số giải pháp nâng cao công tác quản lý Nhà nước về đất đai**

#### **1. Nhiệm vụ**

Để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh, trong thời gian tới cần thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Đẩy mạnh áp dụng mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; áp dụng khoa học kỹ thuật trong công tác chăn nuôi, trồng trọt; có định hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp từ trồng trọt sang chăn nuôi trang trại lớn; chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ nhóm đất nông nghiệp sang nhóm đất phi nông nghiệp như: thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ...; đối với các khu, cụm công nghiệp cần phải đẩy mạnh các chính sách, hoạt động thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật để người dân nắm vững Luật Đất đai, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường. Tăng cường áp dụng chính sách đối đất lấy cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh công tác đầu tư giá đất đai. Quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch, nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng để tập trung cho phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh dịch vụ. Cập nhật kịp thời những thay đổi về thị trường đất đai để có kế hoạch đền bù thỏa đáng giúp sử dụng đất đúng theo kế hoạch.

- Trong sắp xếp thứ tự dự án ưu tiên, phải tạo ra được những đột phá và động lực phát triển cho từng ngành và từng vùng. Trong đó, công trình hạ tầng phải được ưu tiên để tăng lực hút đầu tư, phát triển mạnh kinh tế, nhất là các tuyến đường vành đai, đường trục, bến cảng phục vụ đắc lực vận tải các mặt hàng chiến lược ra ngoài vùng. Kết hợp tốt giữa đầu tư từ nguồn ngân sách với vốn của doanh nghiệp vào xây dựng các khu dân cư, các công trình trọng điểm về cơ sở hạ tầng, với vốn xã hội hoá về xây dựng cơ sở vật chất như trường, bệnh viện, cơ sở văn hoá – thể thao. Riêng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và nội thị, cần phát huy mạnh mẽ phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Khi giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện các dự án của chủ đầu tư, để đảm bảo triển khai đúng tiến độ và khả thi. Chuyển dần các cơ sở sản xuất công nghiệp đan xen trong các khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp. Không xem xét giải quyết giao đất hoặc cho thuê đất để sản xuất công nghiệp trong các khu dân cư.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng đất đai hợp lý với hiệu quả kinh tế cao. Có biện pháp xử lý kịp thời và nghiêm các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai theo quy định của pháp luật.

- Phát triển thị trường bất động sản, tạo và quản lý chặt chẽ quỹ đất sạch, kiểm soát giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp; có biện pháp ngăn chặn, xử lý